

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 21/01/2019  
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Phú;
2. Bà Trần Thị Trúc Mai.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*  
Không tham gia.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 352/2018/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1989.

Cư trú: Khu dân cư mới, ấp 2, xã Ch, thị xã T, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm: 1990

Cư trú: Tổ 10, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang

Các đương sự có mặt phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 15/11/2018 bà Nguyễn Thị B trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông T là do tự tìm hiểu được hai bên gia đình đồng ý đứng ra tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào năm 2018. Sau kết hôn hai vợ chồng sống bên gia đình chồng được một thời gian. Đến tháng 6 năm 2018 khi bà sinh con thì mâu thuẫn vợ chồng cũng bắt đầu phát sinh, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng

quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Bà đã một lần gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn nhưng sau đó được gia đình hai bên hàn gắn và cũng muốn tạo cho ông T một cơ hội, nên vợ chồng chung sống lại. Tuy nhiên ông T vẫn không sửa chữa, mà lại tiếp tục đánh và dùng dao uy hiếp bà, khi bà mới chỉ sinh con được 04 tháng làm cho bà rất hoảng sợ, điều này làm cho bà không thể chấp nhận được và gia đình cũng không chấp nhận ông T là con rể trong nhà. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, bà quyết định ly hôn với ông T.

*Về con chung:* Bà và ông T có 01 con chung tên Trần Nguyễn Kiều V, sinh ngày 04/6/2018, hiện do bà nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, bà tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ông Trần Văn T trình bày:** Về điều kiện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn và nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ông đồng ý với lời trình bày của bà B. Ông thừa nhận trong lúc nóng giận và có uống rượu nên ông đã đánh bà B một tay, ông hối hận về việc mình đã làm và mong bà B tha thứ, xét thấy vẫn còn thương vợ nên ông mong được hàn gắn lại với bà B.

*Về quan hệ con chung:* Đồng ý với lời trình bày của bà B. Nếu Tòa án cho ly hôn, ông chỉ yêu cầu được đến thăm con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Ông và bà B không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:* Bà B xin ly hôn với ông T. Ông Tâm hiện đang cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

*Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà B và ông T có đăng ký kết hôn tại xã V, huyện A, tỉnh An Giang vào năm 2012 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà B xin được ly hôn với ông T, HĐXX xét thấy:

Bà B và ông T sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau đã đi đến hôn nhân. Tuy nhiên, cả hai chỉ có một thời gian ngắn sống hạnh phúc cùng nhau, sau đó thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ vợ chồng bất đồng quan điểm sống và định điểm của sự mâu thuẫn là hành vi bạo lực gia đình của ông T đối với bà B, khi bà chỉ mới sinh con được 04 tháng, điều này đã được chính ông T thừa nhận. Đây là hành vi không thể chấp nhận được của ông T và nó là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó yêu cầu ly hôn của bà B là chính đáng và hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về con chung:* Bà B và ông T có 01 con chung tên Trần Nguyễn Kiều V, sinh ngày 04/6/2018, hiện do bà B chăm sóc, khi ly hôn ông T đồng ý cho bà B tiếp tục nuôi, HĐXX nghĩ nên chấp nhận

Theo quy định, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà Bé không yêu cầu ông T cấp dưỡng, HĐXX công nhận tự nguyện của bà B.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà B biết: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên và trong thời gian nuôi con bà phải có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông T đến thăm con chung, không ai cản trở ông T thực hiện quyền này.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Bà B và ông T xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên không đề cập xem xét để giải quyết

*Về án phí:* Bà B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:** Các Điều 51, 53, 56, điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Trần Văn T.

*Về con chung:* Bà B được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Nguyễn Kiều V, sinh ngày 04/6/2018. Công nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà B và những người thân trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông T đến thăm con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

*Về án phí:* Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm (được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0010872 ngày 04/12/2018).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/01/2019) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

*(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

**Nơi nhận:**

- VKS huyện;
- TAT An Giang;
- THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Lê Thanh Hoàng**